TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn; nuôi con và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Văn Quen
2. Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp *"Ly hôn; nuôi con và cấp dưỡng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trầm Thị Diễm P sinh năm 1989; cư trú ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh T; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Tăng Minh K sinh năm 1984; cư trú khóm 1, phường 1, thị xã D, tỉnh T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà P trình bày: bà và với ông K tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bà nghi ngờ ông K không chung thủy, bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, ông K không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ tháng 4 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không gặp nhau để bàn bạc cho vợ chồng đoàn tụ. Nay bà xét thấy vợ chồng không còn tình cảm,

mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không còn khả năng để đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn ông K.

Về con chung: vợ chồng có 02 người con chung hiện bà đang nuôi dưỡng tên là Tăng Phúc A sinh ngày 03/4/2014 và Tăng An B sinh ngày 17/8/2016 và hiện nay hai con đang đi học mẫu giáo. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con tên Tăng Phúc A sinh ngày 03/4/2014 và Tăng An B sinh ngày 17/8/2016 mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi 02 con tròn 18 tuổi.

Về tài sản, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông K trình bày: vợ chồng tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại xã Đ, huyện C vào năm 2014. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ ông nghi ngờ ông còn quen và qua lại với vợ trước của ông, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cải, ngoài ra từ khi vợ chồng cưới nhau cũng không thường xuyên chung sống với nhau nên vợ chồng không hạnh phúc. Nay ông đồng ý ly hôn bà P.

Về con chung: vợ chồng có 02 người con chung và hiện do vợ ông nuôi dưỡng. Nay ông chỉ đồng ý giao cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Tăng An B sinh ngày 17/8/2016 và ông yêu cầu được nuôi con tên Tăng Phúc A sinh ngày 03/4/2014 và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về con riêng: ông với vợ trước còn một người con chung khoảng 16 tuổi, hiện do ông nuôi dưỡng. Hiện nay ông đang kinh doanh mua bán, sửa chữa điện thoại di động thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng.

Về tài sản, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà P phát biểu ý kiến tranh luận cho rằng: hai con chung bà đang nuôi dưỡng từ nhỏ nên đã gắn bó tình cảm mẹ con, bà cũng đã tạo điều kiện tốt nhất cho các con được vui chơi, đi học. Còn ông K không có điều kiện nuôi con tốt nhất, vì ông K còn có con riêng và hiện ông K đã ở riêng với gia đình nên không đảm bảo điều kiện về chăm sóc con chung, mặt khác ông K không quan tâm đến con từ lúc sinh đến nay. Hiện nay ông K kinh doanh có thu nhập cao và ổn định nên có đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Ông K cho rằng khi sinh con thì ông bận công việc nên không chăm sóc, nhưng sau khi sinh con thì có cùng vợ nuôi dưỡng nên ông cũng có điều kiện nuôi con, do đó ông yêu cầu được nuôi dưỡng một người con chung và cấp dưỡng nuôi một người con chung theo quy định.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Về thủ tục tố tụng: việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn và cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng

xét xử và Thư ký Tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: về hôn nhân bà P và ông K đã thỏa thuận ly hôn đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P. Về con chung: hai con chung bà P là người trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ, kể cả từ lúc ly thân đến nay và để đảm bảo việc học tập của các con nên cần tiếp tục giao 02 con cho bà P nuôi dưỡng; ông K có thu nhập cao, tuy nhiên mức yêu cầu cấp dưỡng của bà P là cao chưa phù hợp với thu nhập thực tế của ông K, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà P về cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đơn khởi kiện của bà P có nội dung yêu cầu ly hôn; nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng. Căn cứ Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Bà P và ông K tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C theo quy định pháp luật, do đó hôn nhân giữa bà P với ông K là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa bà P và ông K xuất phát từ việc bà bà P nghi ngờ ông K không chung thủy, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà P cương quyết ly hôn ông K và ông K cũng đồng ý ly hôn bà P. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà P được ly hôn ông K.

[3] Về con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: bà P là người trực tiếp nuôi hai con chung từ nhỏ, tình cảm mẹ con được gắn bó, bà P cũng đã cho con đi học, do đó để đảm bảo về mặt tâm lý các con nên bà P tiếp tục nuôi con là hợp lý, còn ông K đang nuôi con riêng và đã sống riêng với gia đình ông K nên không đảm bảo việc chăm sóc con chung. Từ cơ sở phân tích trên Hội đồng xét xử giao cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Tăng Phúc A sinh ngày 03/4/2014 và Tăng An B sinh ngày 17/8/2016.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: hiện ông K kinh doanh mua bán, sửa chữa điện thoại di động, theo ông K khai mức thu nhập bình quân hàng tháng là 10.000.000 đồng, đây là mức thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi dưỡng hai con chung.

[5] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà P, Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của bà P là cao so với thu nhập của ông K, vì ngoài thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, ông K còn phải lo chi phí cho cuộc sống của ông K cùng với con riêng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần

yêu cầu của bà P, buộc ông K cấp dưỡng nuôi dưỡng hai con chung tên Tăng Phúc A sinh ngày 03/4/2014 và Tăng An B sinh ngày 17/8/2016 mỗi người con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung tên Tăng Phúc A sinh ngày 03/4/2014 và Tăng An B sinh ngày 17/8/2016 tròn 18 tuổi.

[6] Về tài sản và nợ chung: bà P và ông K trình bày không có và không yêu cầu nên không xét đến.

[7] Về án phí: căn cứ khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, án phí được tính cụ thể như sau: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo lai thu số 0004706 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, như vậy bà P đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm. Buộc ông K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, điều 107, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 282, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trầm Thị Diễm P. Cho bà Trầm Thị Diễm P ly hôn ông Tăng Minh K.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Trầm Thị Diễm P. Giao cho bà Trầm Thị Diễm P tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Tăng Phúc A sinh ngày 03/4/2014 và Tăng An B sinh ngày 17/8/2016.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trầm Thị Diễm P.

Buộc ông Tăng Minh K cấp dưỡng nuôi con chung tên Tăng Phúc A sinh ngày 03/4/2014 và Tăng An B sinh ngày 17/8/2016 mỗi người con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi Tăng Phúc A sinh ngày 03/4/2014 và Tăng An B sinh ngày 17/8/2016 tròn 18 tuổi.

Không bên nào được ngăn cản việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Buộc bà Trầm Thị Diễm P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Trầm Thị Diễm P đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004706 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy bà Trầm Thị Diễm P đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Buộc ông Tăng Minh K chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Truyền